

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-HVTC ngày 05 / 9 /2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- NGÀNH ĐÀO TẠO:	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (Tên Tiếng Anh: Management Information Systems)
- MÃ NGÀNH:	7340405
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	TIN HỌC TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN (Tên Tiếng Anh: Information Technology in Accounting and Finance)
- MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	04.01
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	Đại học (Chương trình chuẩn)
- HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:	Chính quy
- VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP:	Cử nhân
- ĐƠN VỊ CẤP BẰNG:	Học viện Tài chính
- ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH:	2025 (Từ khóa 63)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo (CTĐT) Tin học Tài chính – Kế toán, ngành Hệ thống thông tin quản lý (HTTTQL) trình độ đại học là chương trình định hướng ứng dụng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc, có kiến thức chuyên môn về kinh tế, tài chính – kế toán, quản trị doanh nghiệp và kiến thức chuyên sâu về công nghệ thông tin, hệ thống thông tin quản lý. Người học sau khi tốt nghiệp nắm vững nền tảng cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ; có năng lực phân tích, thiết kế, phát triển, quản trị và quản lý các hệ thống thông tin phục vụ cho công tác quản lý tài chính – kế toán; biết vận dụng hiệu quả các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Blockchain, tự động hóa quy trình (RPA), và các nền tảng số trong lĩnh vực tài chính – kế toán. Chương trình hướng tới việc hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao, tự chủ, trách nhiệm, tự đào tạo và khởi nghiệp; thích ứng nhanh với môi trường làm việc thay đổi gắn với kỷ nguyên số và toàn cầu hóa; có ý thức kỷ luật, phục vụ cộng đồng và học tập suốt đời. Ngoài ra, người học được trang bị kiến thức chuyên sâu khác để mở rộng cơ hội nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objectives)

2.2.1. Về kiến thức

PO1: - Có kiến thức nền tảng về: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; công nghệ thông tin (CNTT) và trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản để vận dụng vào nghề nghiệp, cuộc sống.

- Có kiến thức cơ bản về GDQP&AN, GDTC để vừa rèn luyện sức khỏe; sống có kỷ luật; có ý thức góp phần xây dựng phát triển đất nước.

PO2: Nắm vững lý thuyết, kiến thức cơ bản kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, tài chính tiền tệ, nguyên lý kế toán, nguyên lý thống kê; có nền tảng công nghệ thông tin (toán rời rạc, lập trình Python, hệ thống thông tin quản lý); có năng lực Tiếng Anh chuyên sâu, ứng dụng công nghệ số để vận dụng vào học tập và nghề nghiệp.

PO3: - Có kiến thức chung của ngành Hệ thống thông tin quản lý và lĩnh vực thống kê tài chính để làm nền tảng cho các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Tin học Tài chính – Kế toán.

- Có kiến thức chuyên môn khác về lĩnh vực: HTTTQL, TC-NH, kế toán, quản trị kinh doanh, thống kê bổ trợ chuyên sâu cho ngành HTTTQL, CTĐT Tin học Tài chính – Kế toán để người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu về lĩnh vực được đào tạo và mở rộng cơ hội nghề nghiệp sau tốt nghiệp.

PO4: - Có kiến thức lý thuyết và thực tiễn sâu, rộng về hệ quản trị cơ sở dữ liệu như: thiết kế, xây dựng, quản lý, khai thác, tối ưu, bảo mật.

- Có kiến thức chuyên sâu về Tin học Tài chính – Kế toán để thực hiện công việc chuyên môn; quản lý, tư vấn, tham mưu ra quyết định tối ưu.

- Có kiến thức thực tế vững chắc, thực hành nghề nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: - Có kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết những vấn đề cụ thể hoặc phức tạp liên quan đến lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý và lĩnh vực bổ trợ khác.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; biết dẫn dắt chuyên môn, tự cập nhật kiến thức phục vụ công việc;...

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn CNTT nâng cao, ngoại ngữ theo quy định hiện hành để phục vụ công việc.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện tốt nhất công việc với nhóm, cá nhân, tập thể một cách khoa học, chuyên nghiệp; tự chịu trách nhiệm cá nhân;

- Có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm, cộng đồng và xã hội; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước và quốc tế.

- Có khả năng tự học, cập nhật, bổ sung các kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

- Có khả năng tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ nghiệp vụ và tự cập nhật, bổ sung kiến thức để dự thi lấy các chứng chỉ liên quan.

- Có cơ hội nhận được bằng đại học thứ 2 ngành khác của Học viện nếu người học đăng ký học cùng lúc 2 chương trình.

2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo Tin học Tài chính – Kế toán, ngành Hệ thống thông tin quản lý của Học viện Tài chính có nhiều cơ hội nghề nghiệp tại các cơ quan nhà nước, tổ chức tài chính, doanh nghiệp, tập đoàn trong và ngoài nước; có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn trong lĩnh vực Tin học Tài chính - Kế toán, ngành Hệ thống thông tin quản lý và các lĩnh vực liên quan khác. Cụ thể:

- Chuyên viên tư vấn, triển khai hệ thống thông tin, hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning) cho các doanh nghiệp.

- Chuyên viên phân tích: phân tích hệ thống (System Analyst), phân tích nghiệp vụ (Business Analyst), phân tích dữ liệu (Data Analyst), phân tích trí tuệ doanh nghiệp (BI- Business Intelligence).

- Chuyên viên phát triển hệ thống và phần mềm: phát triển phần mềm, phát triển website, kiểm thử và kiểm định nghiệp vụ phần mềm.

- Chuyên viên quản trị công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp với các vai trò như: quản trị cơ sở dữ liệu (DB Administrator), quản trị website, quản trị hệ thống thương mại điện tử (Web Admin),...

- Cán bộ, giảng viên giảng dạy tại các cơ sở giáo dục (trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học) hoặc cán bộ nghiên cứu, ứng dụng tin học tại các viện nghiên cứu, trung tâm chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế, kế toán, tài chính – ngân hàng, thương mại điện tử, quản trị kinh doanh...

Sau một thời gian có kinh nghiệm làm việc, chuyên viên ngành Hệ thống thông tin quản lý có thể phát triển tiếp lên các vị trí quản lý và chuyên sâu như:

+ Trưởng dự án phát triển Công nghệ thông tin.

- + Giám đốc điều hành.
- + Giám đốc marketing.
- + Chuyên gia tư vấn quản trị doanh nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes)

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Tin học Tài chính - Kế toán, ngành HTTTQL đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học; có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện về Hệ thống thông tin quản lý, chuyên sâu về Tin học Tài chính - Kế toán; có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử; có khả năng tự chủ và trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Cụ thể:

3.1. Về kiến thức

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiến bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

PLO2: - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, để phục vụ nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức về CNTT, có nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO3: Nắm vững kiến thức GDTC, GDQP&AN để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc, góp phần bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và bổ trợ

*** Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành**

PLO4: Hiểu và vận dụng được những nội dung lý thuyết cơ bản của nguyên lý kinh tế học, nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, cùng các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động của từng thị trường trong việc ra

quyết định của các chủ thể kinh tế, đồng thời giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng, cơ bản về: kế toán, tài chính tiền tệ, nguyên lý thống kê, roán rời rạc, lập trình Python căn bản, kiến thức cốt lõi về hệ thống thông tin quản lý để phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề chuyên môn liên quan lĩnh vực Tin học Tài chính - Kế toán; vận dụng, phân tích Tiếng Anh kinh tế, Tiếng Anh chuyên ngành phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu chuyên sâu.

*** Kiến thức ngành và hỗ trợ**

PLO5: - Vận dụng, phân tích kiến thức cơ bản về lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý trong mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực liên quan khác.

- Vận dụng, phân tích, luận giải, tổng hợp được một số vấn đề chuyên sâu/chuyên môn cụ thể: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Kỹ thuật lập trình, Nhập môn cơ sở dữ liệu, Thống kê tài chính, Lập trình hướng đối tượng, Hệ điều hành máy chủ Windows và Linux, Internet và thương mại điện tử làm cơ sở cho nghiên cứu chuyên sâu về Tin học Tài chính - Kế toán.

PLO6: Vận dụng, phân tích các kiến thức chuyên sâu cụ thể về: Tài chính doanh nghiệp căn bản, Kế toán tài chính cơ bản, Phân tích tài chính doanh nghiệp, Mạng và truyền thông, Xử lý dữ liệu tài chính với R, Khởi nghiệp kinh doanh, Quản trị công nghệ, Thị trường tài chính, Thống kê doanh nghiệp, Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp trong tiếp cận, giải quyết vấn đề để hỗ trợ chuyên môn cho ngành Hệ thống thông tin quản lý và chuyên sâu Tin học Tài chính - Kế toán; hướng tới liên thông sang các ngành đào tạo khác và hướng tới để mở rộng cơ hội nghề nghiệp.

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO7: - Phân tích, đánh giá kiến thức cơ bản chuyên sâu về hệ quản trị cơ sở dữ liệu để cài đặt, cấu hình SQL Server, tạo và quản lý cơ sở dữ liệu; thiết kế bảng, khóa chính – khóa ngoại, viết truy vấn bằng ngôn ngữ T-SQL; xây dựng thủ tục lưu trữ (Stored Procedures), hàm, trigger và xử lý lỗi; khai thác cơ sở dữ liệu.

- Phân tích, đánh giá, tổng hợp có hệ thống kiến thức chuyên sâu về: Phát triển hệ thống thông tin Tài chính - Kế toán, quản trị dữ liệu tài chính; lập

trình Web, Ngôn ngữ R, Quản lý dự án công nghệ thông tin (Information technology project management). Cụ thể:

+ Các kiến thức cơ bản và có hệ thống về phương pháp phân tích, thiết kế và phát triển hệ thống thông tin Tài chính - Kế toán; gồm: khảo sát và phân tích yêu cầu hệ thống, mô hình hóa chức năng và dữ liệu trong các hệ thống thông tin Tài chính - Kế toán, giới thiệu UML (Unified Modeling Language), xây dựng các biểu đồ ca sử dụng, lớp, trình tự và hoạt động cho thiết kế, phát triển hệ thống.

+ Tổ chức, quản lý và khai thác dữ liệu trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán với sự hỗ trợ của các công cụ công nghệ; gồm: đặc điểm dữ liệu tài chính; quy trình thu thập, chuẩn hóa, làm sạch và lưu trữ dữ liệu; các phương pháp kiểm soát chất lượng và bảo mật dữ liệu; thực hành quản trị dữ liệu bằng các công cụ như Microsoft Excel, SQL Server, Power BI, STATA, R, hoặc Python (Pandas); thiết lập hệ thống quản trị dữ liệu phục vụ phân tích tài chính, lập báo cáo và hỗ trợ ra quyết định trong môi trường số.

+ Kiến thức cơ bản về lập trình .NET, nền tảng ASP .NET và ASP .NET MVC; kiến thức về xây dựng ứng dụng trên nền tảng Web, điện toán đám mây và ứng dụng cho di động;

+ Kiến thức nền tảng về ngôn ngữ R dành cho người mới bắt đầu, tập trung vào ứng dụng trong phân tích dữ liệu như: cú pháp cơ bản của R, cấu trúc dữ liệu (vector, matrix, dataframe), thao tác với dữ liệu bằng tidyverse, trực quan hóa dữ liệu với ggplot2, và các kỹ thuật thống kê cơ bản.

+ Kiến thức cơ bản về quy trình và kỹ năng quản lý dự án công nghệ thông tin (CNTT) từ khởi tạo, lập kế hoạch, thực hiện, giám sát đến kết thúc dự án như: lập kế hoạch tiến độ, chi phí, nhân lực; quản lý rủi ro, chất lượng và truyền thông; các mô hình phát triển phần mềm (Waterfall, Agile); phương pháp sử dụng công cụ hỗ trợ như Microsoft Project, Trello hoặc Jira

PLO8: Thiết kế, xây dựng, phát triển được kiến thức thực tế, chuyên sâu; kiến thức thực tế, thực hành nghề nghiệp tại doanh nghiệp, tập đoàn để đạt kiến thức chung về thực tập tốt nghiệp.

3.2. Về kỹ năng

PLO9: - Có kỹ năng hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, tổng hợp, báo cáo, đề xuất, tham mưu và giải quyết vấn đề chuyên sâu thuộc lĩnh vực Tin học Tài chính

- Kế toán; am hiểu lĩnh vực khác bổ trợ ngành; thực hành và sử dụng phần mềm chuyên môn thành thạo.

- Có kỹ năng dẫn dắt chuyên môn; tự bổ sung, cập nhật kiến thức mới, tiếp tục nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc trong các môi trường làm việc khác nhau.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học; tư duy đổi mới và sáng tạo; luận giải logic các vấn đề thực tiễn đặt ra một cách thuyết phục và có căn cứ thực hiện.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và thuyết trình; soạn thảo văn bản; quản lý và tổ chức công việc; tư duy phản biện và đàm phán; quản lý thời gian và làm việc nhóm; làm việc độc lập, khoa học và chuyên nghiệp; thấu hiểu để giải quyết tốt vấn đề thực tiễn.

- Có kỹ năng khởi nghiệp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân; thiết lập và duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan.

PLO10: - Có năng lực học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn tối thiểu kỹ năng CNTT nâng cao hoặc tương đương và năng lực số theo quy định hiện hành; tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu có ích và xử lý tốt thông tin, dữ liệu.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tối thiểu 3/6 hoặc tương đương theo quy định của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong công việc chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: - Có phẩm chất đạo đức tốt, thấu hiểu; có sức khỏe; tư duy đổi mới và cầu tiến; năng động và sáng tạo; chủ động, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu; có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực được đào tạo chuyên sâu.

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

PLO12: - Có tinh thần học tập suốt đời; thích ứng nhanh với môi trường thay đổi; tự cập nhật, đào tạo để khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật; phục vụ cộng đồng; có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm và cộng đồng.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

4.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Khối lượng kiến thức	Số TC	Ghi chú
A	Kiến thức giáo dục đại cương	41	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&GDTC (*)	11	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	8	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131	
	Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Tổng số tín chỉ không bao gồm kiến thức GDQP&AN, GDTC: 120 tín chỉ

- Quy định về ký hiệu mã môn học trong các CTĐT: Từng môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
A		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41		
A1		Kiến thức chung	30		
		<i>Phần bắt buộc</i>	24		
1	MPT0400	Triết học Mác - Lênin	3	45	
2	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	
3	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
4	VPP0401	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	
5	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
6	BFL0123	Tiếng Anh cơ bản	4	60	
7	AMA0239	Toán cao cấp	3	45	
8	PAS0101	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	30	
9	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30	
10	ITO0236	Tin học	2	30	
		<i>Phần tự chọn</i>	6		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
11	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
		<i>Nhóm 2</i>	4		
12	DEC0098	Kinh tế phát triển	2	30	
13	IEC0100	Kinh tế quốc tế	2	30	
14	MMO0113	Mô hình toán kinh tế	2	30	
15	ALI0100	Trí tuệ nhân tạo	2	30	
A2		Kiến thức GDQP&AN, GDTC	11		
16	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165	
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	90	
		<i>Phần bắt buộc</i>	1		
17	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30	
18	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online
		<i>Phần tự chọn</i>	2		
19	AED0351	Bóng rổ	2	60	
20	AED0352	Bóng chuyền	2	60	
21	AED0353	Bơi	2	60	
22	AED0354	Bóng bàn	2	60	
23	AED0355	Cầu lông	2	60	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NGGD (T.Anh)
24	AED0356	Taekwondo	2	60	
25	AED0359	Thế dục phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online
B		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90		
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành	6		
26	MAE0012	Kinh tế vĩ mô cơ bản	3	45	
27	MIE0011	Kinh tế vi mô cơ bản	3	45	
B2		Kiến thức cơ sở ngành	24		
28	EFL0012	Tiếng Anh kinh tế	3	45	
29	EFL0011	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60	
30	FAM0193	Tài chính tiền tệ	2	30	
31	APR0125	Nguyên lý kế toán	2	30	
32	DMA0300	Toán rời rạc	3	45	
33	ISY0033	Hệ thống thông tin quản lý	4	60	
34	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	45	
35	PBP0001	Lập trình Python căn bản	3	45	
B3		Kiến thức ngành	16		
36	DSA0007	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	45	
37	PBT1001	Kỹ thuật lập trình	2	30	
38	DAT0100	Nhập môn cơ sở dữ liệu	2	30	
39	FST0198	Thống kê tài chính	2	30	
40	OOP1001	Lập trình hướng đối tượng	2	30	
41	WLS0102	Hệ điều hành máy chủ Windows và Linux	3	45	
42	IEC0033	Internet và thương mại điện tử	2	30	
B4		Kiến thức chuyên ngành	14		
		Phần bắt buộc	12		
43	DAT0101	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	30	
44	DFA0220	Phát triển hệ thống thông tin Tài chính - Kế toán	3	45	
45	DAT0103	Quản trị dữ liệu tài chính	4	60	
46	PBW0002	Lập trình Web	3	45	
		Phần tự chọn	2		
47	RLA2010	Ngôn ngữ R	2	30	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
48	ITM1111	Quản lý dự án công nghệ thông tin (Information technology project management)	2	30	Tiếng Anh
B5		Kiến thức bổ trợ	20		
		<i>Phần bắt buộc</i>	12		
49	CFI0301	Tài chính doanh nghiệp căn bản	2	30	
50	AFB0010	Kế toán tài chính cơ bản	4	60	
51	CFA0133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	
52	IME0109	Mạng và truyền thông	3	45	
		<i>Phần tự chọn</i>	8		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
53	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15	
54	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15	
55	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15	
56	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15	
57	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15	
		<i>Nhóm 2</i>	6		
58	FDR1001	Xử lý dữ liệu tài chính với R	2	30	
59	SBU0410	Khởi nghiệp kinh doanh	2	30	
60	TEM1102	Quản trị công nghệ	2	30	
61	SMI0196	Thị trường tài chính	2	30	
62	CST0197	Thống kê doanh nghiệp	2	30	
63	ERP0202	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	2	30	
B6		Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10		
64	SPR0401	Thực tập tốt nghiệp-04.01	10	150	
		<i>Thực tập cuối khóa (thực hành)</i>	4	60	
		<i>Đồ án tốt nghiệp</i>	6	90	
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131		
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120		

Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến
- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh

5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ (dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
	Phần bắt buộc				x	x	x	x	
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp						x	x	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.

6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

- CTĐT được thiết kế hoàn thành khóa học 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: tối đa 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành đồ án tốt nghiệp). Tuy nhiên, tùy theo năng lực của người học có thể hoàn thành khóa học sớm hơn quy định.

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6.2. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong CTĐT.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể: **1)** Phương pháp thuyết giảng; **2)** Phương pháp thảo luận; **3)** Phương pháp làm việc nhóm; **4)** Phương pháp tranh biện; **5)** Phương pháp tình huống; **6)** Phương pháp trải nghiệm thực tế; **7)** Phương pháp thực hành; **8)** Các PP khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy - học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số,... nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá:

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy - học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện CTĐT.

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy - học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

- Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong CTĐT.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức khác đánh giá kết thúc môn học.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Tin học Tài chính – Kế toán (Chương trình chuẩn) phù hợp với ngành Hệ thống thông tin quản lý; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.

- Nội dung CTĐT Tin học Tài chính – Kế toán được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA (PT)**



Phạm Minh Ngọc Hà

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đào Tùng